



zhǔ fàn

主犯

noun · principal offender; main culprit

Example Sentences

Tā shì zhè qǐ àn jiàn de zhǔ fàn
他是这起案件的主犯。

He is the principal offender in this case.

Jīng fāng yǐ jīng dài bǔ le zhǔ fàn hé jǐ míng cóng fàn
警方已经逮捕了主犯和几名从犯。

The police have arrested the main culprit and several accomplices.

Trace each character, then write the word on your own.

主	主	主	主	主	主	主	主												
犯	犯	犯	犯	犯	犯	犯	犯												